

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU – TP ĐÀ NẴNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thanh Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Văn Dũng và ông Nguyễn Văn Bình**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 235 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 Điều, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ vào hồ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 514/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*”;

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Bà Trương Thị M, sinh năm 1971 và ông Lê Văn H, sinh năm 1972. Cùng trú tại: K65/75 Phạm Như Xương, tổ 13 phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Nguyên đơn:** Bà Trương Thị M, sinh năm 1971.

- **Bị đơn:** Ông Lê Văn H, sinh năm 1972.

Cùng trú tại: K65/75 Phạm Như Xương, tổ 13 phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trương Thị M và ông Lê Văn H thống nhất tự thỏa thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 272 ngày 22.02.2004 của UBND Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng cấp không còn giá trị pháp lý.

- **Về con chung:** Bà Trương Thị M và ông Lê Văn H xác nhận có 02 con chung là Lê Văn Đp, sinh ngày 07.8.2006 và Lê Văn Đ, sinh ngày 12.6.2008. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận:

Bà Trương Thị M trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung là Lê Văn Đp, sinh ngày 07.8.2006 và Lê Văn Đ, sinh ngày 12.6.2008 đến tuổi trưởng thành. Ông Lê Văn H không cấp dưỡng tiền nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

- **Về tài sản chung:** bà M và ông H khai không có nên không xét

- **Nợ chung:** bà M và ông H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

- **Về án phí:** Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà Trương Thị M phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số số **0004888** ngày 23.12.2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng. Như vậy, bà M đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Liên Chiểu;
- Các đương sự;
- CCTHADS quận Liên Chiểu;
- UBND p Hòa Khánh Nam, q Liên Chiểu, TPĐN;
- Lưu hồ sơ.
- Sở Tư pháp

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Thủy

BIÊN BẢN HỘI Ý

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng và ông Nguyễn Văn Bình

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 235 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 Điều, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ vào hồ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 514/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*”;

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

I. Ý kiến của Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng có ý kiến như sau:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Bà Trương Thị M, sinh năm 1971 và ông Lê Văn H, sinh năm 1972. Cùng trú tại: K65/75 Phạm Như Xương, tổ 13 phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Nguyên đơn:** Bà Trương Thị M, sinh năm 1971.

- **Bị đơn:** Ông Lê Văn H, sinh năm 1972.

Cùng trú tại: K65/75 Phạm Như Xương, tổ 13 phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trương Thị M và ông Lê Văn H thống nhất tự thỏa thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 272 ngày 22.02.2004 của UBND Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng cấp không còn giá trị pháp lý.

- **Về con chung:** Hai bên đương sự xác nhận có 02 con chung là Lê Văn Đp, sinh ngày 07.8.2006 và Lê Văn Đ, sinh ngày 12.6.2008. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận:

Bà Trương Thị M trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung là Lê Văn Đp, sinh ngày 07.8.2006 và Lê Văn Đ, sinh ngày 12.6.2008 đến tuổi trưởng thành. Ông Lê Văn H không cấp dưỡng tiền nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

- **Về tài sản chung:** bà M và ông H khai không có nên không xét

- **Nợ chung:** bà M và ông H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

- **Về án phí:** Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà Trương Thị M phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số số **0004888** ngày 23.12.2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng. Như vậy, bà M đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

2. Ông Nguyễn Văn Bình: thống nhất với ý kiến của HTND ông Nguyễn Văn Dũng

II. Ý kiến của thẩm phán chủ tọa phiên tòa:

Bà Phạm Thanh Thủy: thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân dân.

III. Kết quả thảo luận:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Bà Trương Thị M, sinh năm 1971 và ông Lê Văn H, sinh năm 1972. Cùng trú tại: K65/75 Phạm Như Xương, tổ 13 phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Nguyên đơn:** Bà Trương Thị M, sinh năm 1971.

- **Bị đơn:** Ông Lê Văn H, sinh năm 1972.

Cùng trú tại: K65/75 Phạm Như Xương, tổ 13 phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trương Thị M và ông Lê Văn H thống nhất tự thỏa thuận thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 272 ngày 22.02.2004 của UBND Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng cấp không còn giá trị pháp lý.

- **Về con chung:** Hai bên đương sự xác nhận có 02 con chung là Lê Văn Đp, sinh ngày 07.8.2006 và Lê Văn Đ, sinh ngày 12.6.2008. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận:

Bà Trương Thị M trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung là Lê Văn Đp, sinh ngày 07.8.2006 và Lê Văn Đ, sinh ngày 12.6.2008 đến tuổi trưởng thành. Ông Lê Văn H không cấp dưỡng tiền nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

- **Về tài sản chung:** bà M và ông H khai không có nên không xét

- **Nợ chung:** bà M và ông H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

- **Về án phí:** Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà Trương Thị M phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số số **0004888** ngày 23.12.2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng. Như vậy, bà M đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

IV. Kết quả biểu quyết: 100% (3/3)

HĐXX kết thúc hội ý lúc giờ phút ngày 27 tháng 9 năm 2018

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa